

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày 25-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Lê Thị Oanh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần AB.

Địa chỉ: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TTP, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, Giám đốc xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 2118/UQ-QLN.23 ngày 13 tháng 11 năm 2023).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn A, Nhân viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 2360/UQ-CNTL.24 ngày 17 tháng 6 năm 2024).

*- Bị đơn:* Anh Dương Văn H, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988.

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn Ch, sinh năm 1953 và bà Lê Thị C, sinh năm 1957.

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Ông Tuấn A có mặt. Anh H, chị V, ông Ch, bà C vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần AB và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

1. A cấp tín dụng cho ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị V căn cứ theo:

a) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DOV.CN.1862.080523 ngày 12/5/2023.

b) Hợp đồng cấp tín dụng số DOV.CN.1863.080523 ngày 12/5/2023.

Chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay/hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đồng.

- Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh-Bổ sung vốn lưu động.

- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

- Phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.

- Thời hạn giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, AB đã giải ngân cho ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị V bằng các Khế ước nhận nợ như sau:

1.1. Khế ước nhận nợ số 396797329, ngày ký và giải ngân 08/5/2023, số tiền giải ngân 450.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 983426256 của ông Dương Văn H tại AB, thời hạn cho vay từ ngày 09/5/2023 đến ngày 08/11/2023. Lãi suất: (1) Lãi suất trong hạn 10%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3%/năm. (2) Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3) Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

1.2. Khế ước nhận nợ số 396856379, ngày ký và giải ngân 09/5/2023, số tiền giải ngân 450.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 983426256 của ông Dương Văn H tại AB, thời hạn cho vay từ ngày 10/5/2023 đến ngày 09/11/2023. Lãi suất: (1) Lãi suất trong hạn 10%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03

tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3%/năm. (2) Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3) Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

1.3. Khế ước nhận nợ số 397309529, ngày ký và giải ngân 12/5/2023, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 983426256 của ông Dương Văn H tại AB, thời hạn cho vay từ ngày 13/5/2023 đến ngày 12/11/2023. Lãi suất: (1) Lãi suất trong hạn 10%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3%/năm. (2) Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3) Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

2. ACB cấp tín dụng cho ông Dương Văn H căn cứ theo:

- a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 10/5/2023.
- b) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB.
- c) Các văn bản khác của ông Dương Văn H ký với AB về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng: 970416\*\*\*\*\*7004.
- Ngày cấp: 10/5/2023.
- Loại thẻ: Express.
- Hạn mức thẻ: 170.000.000 đồng.
- Hiệu lực thẻ: 10/5/2026.
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB- là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Khoản nợ nêu trên của anh H và chị V được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số PL3, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C (là bố, mẹ đẻ của anh H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 846688, số vào sổ cấp GCN: CS 05422 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp cho ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C ngày 20/08/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ với AB. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ngày 13/10/2023 AB ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của các Khế ước nhận nợ nêu trên và ngày 16/10/2023 AB ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 25/9/2024, vợ chồng anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V còn nợ AB các khoản như sau: Đối với Khế ước số 396797329 dư nợ gốc là

450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 13.684.932 đồng; lãi quá hạn là 92.095.890 đồng; tiền phạt là 1.399.096 đồng. Đối với Khế ước số 396856379 dư nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 13.684.932 đồng; lãi quá hạn là 92.095.890 đồng; tiền phạt là 1.399.096 đồng. Đối với Khế ước số 397309529 dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; lãi trong hạn là 3.041.096 đồng; lãi quá hạn là 20.465.753 đồng; tiền phạt là 310.910 đồng. Đối với Thẻ tín dụng số 970416\*\*\*\*\*7004 dư nợ gốc là 180.590.200 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn 52.800.411 đồng; tiền phạt 0 đồng. Tổng cộng là 1.471.568.204 đồng.

Nay AB khởi kiện với yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V trả ngay cho AB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 25/9/2024 là 1.471.568.204đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm linh bốn đồng), trong đó gồm: Vốn gốc 1.180.590.200 đồng, lãi trong hạn 30.410.959 đồng, lãi quá hạn 257.457.944 đồng, phạt chậm trả lãi 3.109.101 đồng.

2. Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả hết nợ.

3. Nếu anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số PL3, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã nhiều lần triệu tập anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V đến để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của AB, nhưng anh H và chị V cố tình vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C trình bày: Ông bà là bố, mẹ đẻ của anh Dương Văn H, là bố, mẹ chồng của chị Nguyễn Thị V. Vào tháng 5/2023 vợ chồng anh H và chị V có vay của AB số tiền như AB trình bày là đúng, mục đích vay là để kinh doanh vật liệu xây dựng. Để đảm bảo cho khoản vay nợ của anh H, chị V thì ông bà có tự nguyện thế chấp thửa đất số 60, tờ bản đồ số PL3, địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam đứng tên ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C. Sau đó anh H, chị V làm ăn thua lỗ và bị vỡ nợ nên không có khả năng trả nợ. Hiện nay anh H đi làm ăn tự do thỉnh thoảng mới về thăm nhà, còn chị V đi làm công nhân tại Khu công nghiệp Đồng Văn từ sáng sớm đến tối mới về nhà. Quá trình giải quyết vụ án, ông bà đã nhiều lần nhận các văn bản tố tụng của Tòa án hộ anh H, chị V và đều thông báo cũng như giao ngay cho anh chị, tuy nhiên anh chị đều trả lời do không có tiền trả nợ nên anh chị

không đến làm việc, còn thực tế anh H, chị V có đến Tòa án để làm việc hay không thì ông bà không nắm được. Quan điểm của ông Ch và bà C đề nghị Tòa án giải quyết việc AB khởi kiện đối với anh H, chị V và giải quyết về tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280, 295, 299, 317, 385, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AB. Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V phải thanh toán, trả cho AB các khoản tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng số DOV.CN.1863.080523 ngày 12/5/2023 và Khế ước nhận nợ số 396797329 ngày 08/5/2023, Khế ước nhận nợ số 396856379 ngày 09/5/2023, Khế ước nhận nợ số 397309529 ngày 12/5/2023, Thẻ tín dụng số 970416\*\*\*\*\*7004 anh chị đã ký với AB tính đến hết ngày 25/9/2024 bao gồm nợ gốc là 1.180.590.200 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.410.959 đồng; nợ lãi quá hạn là 257.457.944 đồng và phí phạt là 3.109.101 đồng. Tổng cộng là 1.471.568.204đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm linh bốn đồng).

Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả hết nợ.

Nếu anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cần phải xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số PL3, địa chỉ: Thôn T, xã Đ,

huyện K, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C để thu hồi nợ cho Ngân hàng AB.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho AB tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo thửa đất là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự theo hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng) giữa tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Tranh chấp kinh doanh thương mại trong vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn trong vụ án là anh Dương Văn H, chị Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Ch, bà Lê Thị C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có người khác đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AB đối với anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 12/5/2023 vợ chồng anh H, chị V đã ký với AB Hợp đồng cấp tín dụng số DOV.CN.1863.080523 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo từng Khế ước cụ thể, gồm: Khế ước nhận nợ số 396797329, ngày ký và giải ngân 08/5/2023, số tiền giải ngân 450.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 396856379, ngày ký và giải ngân 09/5/2023, số tiền giải ngân 450.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 397309529, ngày ký và giải ngân 12/5/2023, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng. Phương thức giải ngân của các Khế ước trên là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 983426256 của anh Dương Văn H tại AB, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi

suất trong hạn 10%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Mục đích vay là anh H, chị V sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn lưu động. Ngoài ra, ngày 10/5/2023 AB cũng đã cấp cho anh H thẻ tín dụng loại Express, hạn mức thẻ 170.000.000 đồng, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí được thực hiện theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB.

Hợp đồng vay vốn và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được các bên giao kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng do anh H, chị V không thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nghĩa vụ thanh toán trả các khoản tiền nợ gốc, lãi và tiền phạt do chậm thanh toán phát sinh theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh H, chị V phải thanh toán trả các khoản nợ còn tồn đọng nhưng không có kết quả; quá trình giải quyết tranh chấp nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bị đơn cố tình không có mặt để giải quyết, đồng thời cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc gặp phải khó khăn, trở ngại khách quan dẫn đến không thanh toán trả được nợ đúng hạn cho Ngân hàng là có cơ sở. Do đó, xét yêu cầu của AB buộc vợ chồng anh H, chị V phải thanh toán ngay các khoản nợ gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và khoản tiền phạt do chậm thanh toán theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên tính đến ngày 25/9/2024 với số tiền tổng cộng là 1.471.568.204 đồng, trong đó nợ gốc là 1.180.590.200 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.410.959 đồng; nợ lãi quá hạn là 257.457.944 đồng và phí phạt là 3.109.101 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của AB buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả hết nợ, thấy: Các bên đều cam kết thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ theo hợp đồng và việc cam kết đó không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của AB về việc xử lý tài sản ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C đã thế chấp để đảm bảo việc thanh toán trả nợ của anh H, chị V thấy: Để đảm bảo việc thanh toán khoản nợ vay nêu trên của anh H, chị V thì ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C là bố, mẹ đẻ anh H đã thế chấp tài sản của ông bà là thừa

đất số 60, tờ bản đồ PL3, diện tích 121m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 846688 ngày 20/8/2021 đứng tên người sử dụng là ông Dương Văn Ch, bà Lê Thị C và tài sản trên đất. Tài sản thế chấp được các bên xác định theo Hợp đồng thế chấp số DOV.BĐCN.465.040522 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Nam, số công chứng 1927; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bảng ngày 06/5/2022. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2024 đối với tài sản thế chấp thì thửa đất nêu trên có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 38 dài 13,72m; phía Đông giáp ngõ xóm dài 18,16m; phía Nam giáp đất UB và thửa đất số 274 nhà ông D dài 1,8m; phía Tây giáp thửa đất số 466 đứng tên anh H dài 13,96m. Công trình trên đất gồm có: Từ phía giáp đường QL38 là 01 nhà xây gạch bi lợp mái tôn, diện tích 50m<sup>2</sup>; bên cạnh nhà mái tôn là phần lán tôn xộp xây gạch bi có diện tích 50m<sup>2</sup>; bên dưới là 01 nhà vệ sinh xây gạch bi lợp mái tôn có diện tích 07m<sup>2</sup>. Do hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, hình thức và nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật, mục đích là để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ đã vay nên hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp để bảo đảm cho việc thanh toán khoản nợ đã vay khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: AB đã nộp tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo thửa đất là 3.800.000 đồng. Nay AB yêu cầu anh H, chị V phải thanh toán trả cho AB toàn bộ khoản chi phí tố tụng này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh H, chị V phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Vì vậy anh H, chị V phải thanh toán cho AB tiền chi phí tố tụng là 3.800.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, cụ thể như sau: 1.471.568.204 đồng = 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là 1.471.568.204 đồng – 800.000.000 đồng = 671.568.204 đồng x 3% = 20.147.400 đồng (làm tròn số thành 20.147.000 đồng). Như vậy, anh H và chị V phải chịu tiền án phí là 36.000.000 đồng + 20.147.000 đồng = 56.147.000 đồng. Nguyên đơn được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280, 295, 299, 317, 385, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần AB. Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V phải thanh toán, trả cho AB các khoản tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng số DOV.CN.1863.080523 ngày 12/5/2023 và Khế ước nhận nợ số 396797329 ngày 08/5/2023, Khế ước nhận nợ số 396856379 ngày 09/5/2023, Khế ước nhận nợ số 397309529 ngày 12/5/2023, Thẻ tín dụng số 970416\*\*\*\*\*7004 anh chị đã ký với AB tính đến hết ngày 25/9/2024 bao gồm nợ gốc là 1.180.590.200 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.410.959 đồng; nợ lãi quá hạn là 257.457.944 đồng và phí phạt là 3.109.101 đồng. Tổng cộng là 1.471.568.204đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm linh bốn đồng).

Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của AB kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả hết nợ.

Nếu anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số PL3, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Dương Văn Ch và bà Lê Thị C.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho AB tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo thửa đất là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Dương Văn H và chị Nguyễn Thị V phải chịu 56.147.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần AB được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 22.807.000đ (hai mươi hai triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0000144 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thọ**





**Bùi Thị Nguyệt**

